

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 23 – 3 – 2023.
V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thị Gấm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và bà Trần Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt -Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Văn V, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp N, xã T Y A, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Trương Thị Đ, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp N, xã T Y A, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

(Anh V vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử mặt; chị Đ vắng mặt lần 02 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị anh Võ Văn V trình bày như sau:

Anh V và chị Đ chung sống với nhau từ năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống khiến cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc, hai bên thường xuyên cự cãi bất hòa, chồng không chăm lo cho đời sống kinh tế gia đình, vợ có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, hai bên đã hàn gắn nhiều lần để chung sống nhưng vẫn không dung hòa với nhau được, vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Anh V yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với chị Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Gia B, sinh ngày 07/7/2015 và Võ Thị Mỹ L, sinh ngày 02/02/2012, các con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ và người khác nợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh V không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn chị Trương Thị Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh V và chị Đ đều vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định. Đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của anh V đối với chị Đ là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: Giao cháu Võ Gia B, sinh ngày 07/7/2015 và Võ Thị Mỹ L, sinh ngày 02/02/2012 cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng (Theo nguyện vọng cháu Bảo và cháu Linh), anh V không cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng : Không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh V yêu cầu được ly hôn với chị Đ, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Đ vẫn vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án, chị Đ vắng mặt tại phiên tòa lần 02 không lý do, anh V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Đ và anh V.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của anh V, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh V và chị Đ chung sống với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân giữa anh chị là không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nay anh V yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng với chị Đ, anh V và chị Đ cùng có nơi cư trú tại xã T Y A, huyện An Biên và đã cung cấp giấy xác nhận chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Y A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thống nhất tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Võ Văn V và chị Trương Thị Đ.

[4] Về con chung: Anh V xác nhận có 02 người con chung tên Võ Gia B, sinh ngày 07/7/2015 và Võ Thị Mỹ L, sinh ngày 02/02/2012; anh V đồng ý giao 02 con cho chị Đ nuôi dưỡng. Cháu B và cháu L có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Đ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình giao cháu Võ Văn Bảo và Võ Thị Mỹ L cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị Đ không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Anh V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh V phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận, nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Võ Văn V và chị Trương Thị Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Gia B, sinh ngày 07/7/2015 và Võ Thị Mỹ L, sinh ngày 02/02/2012 (Theo nguyện vọng cháu B và cháu L) cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ghi nhận việc chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh V không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản, tuy nhiên anh V không được lạm dụng quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng : Anh V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Võ Văn V có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0003554 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh Võ Văn V đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- CC-THADS huyện;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm